

Số: KH1T-31/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(Tháng 11/2026)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật tháng 10/2026

+ ***Đông, lốc, sét***: Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận đông, lốc, sét (*Phụ lục – Bảng 1*).

+ ***Mưa diện rộng***: Trong tháng 10/2026, tại khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện 02 đợt mưa: Từ ngày 04-05/10 và từ ngày 29-30/10, trong đó đợt mưa từ ngày 29-30/10 tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Bắc Bộ. Đáng chú ý đợt mưa từ ngày 04-05/10 tại khu vực Bắc Bộ có tổng lượng mưa (TLM) phổ biến từ 20-50mm, cục bộ có nơi cao hơn 100mm như tại: Điện Biên (Điện Biên) 176mm, Kim Bôi (Phú Thọ) 191mm, Việt Trì (Phú Thọ) 138mm,

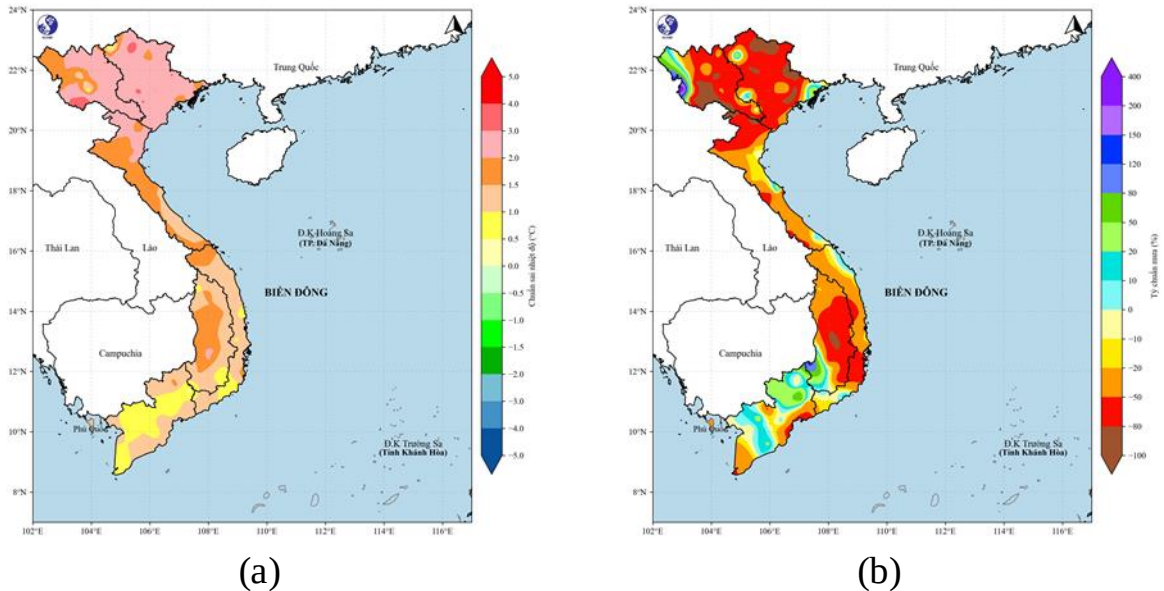
Tại khu vực Trung Bộ xảy ra 03 đợt mưa diện rộng: Từ ngày 04-15/10, 17-22/10 và từ ngày 26-31/10. Đáng chú ý trong đợt mưa từ 04-15/10: Tại khu vực Thanh Hóa-Nghệ An có mưa vừa, mưa to trong ngày 04-05/10 và ngày 09-10/10, từ ngày 11/10 mưa mở rộng từ Hà Tĩnh trở vào; TLM trên toàn khu vực phổ biến từ 100-250mm, đặc biệt khu vực từ Tp. Huế đến Quảng Ngãi TLM phổ biến 350-550mm, có nơi cao hơn.

Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ xuất hiện nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó có ngày xuất hiện mưa vừa, mưa to trên diện rộng.

Trong tháng 10/2026, một số trạm khí tượng đã quan trắc được giá trị lượng mưa ngày và TLM tháng vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng thời kỳ (*Phụ lục-Bảng 2,3*).

+ ***Nắng nóng (NN)***: Trong tháng 10/2026, khu vực Bắc Bộ xuất hiện 01 đợt NN diện rộng kéo dài từ ngày 28/9-02/10, với nhiệt độ cao nhất phổ biến 35,0-37,0°C, có nơi trên 37,0°C; trong đợt NN diện rộng kéo dài này, tại khu vực Bắc Bộ đã ghi nhận nhiều trạm có giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng thời kỳ, đáng lưu ý một số trạm liên tiếp vượt GTLS. Ngoài ra, trong tháng 10/2026 cũng ghi nhận nhiều trạm tại các khu vực khác trên phạm vi cả nước có giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS (*Phụ lục-Bảng 4*).

+ **Không khí lạnh (KKL)**: Trong tháng 10/2026, xảy ra 01 đợt KKL vào đêm 04/10, đã gây ra mưa, mưa vừa diện rộng, có nơi mưa to tại khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa-Nghệ An, sau đó vùng mưa mở rộng xuống phía Nam; nhiệt độ trung bình ngày giảm 2,0-4,0°C ở khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa đến Tp. Huế, tại trạm Bạch Long Vĩ quan trắc gió Đông Bắc mạnh cấp 5, có lúc cấp 6 trong ngày 05-06/10.



Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) và (b) Tỷ chuẩn lượng mưa (%) tháng 10/2026

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTB)**: Trong tháng 10/2026, nhiệt độ trung bình (NĐTB) trên hầu khắp cả nước phổ biến cao hơn từ 1,0-2,0°C, riêng khu vực Bắc Bộ NĐTB cao hơn 2,0-3,0°C; ngoại trừ một số nơi ở Nam Bộ NĐTB cao hơn từ 0,5-1,0°C so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ (Hình 1a).

Trong tháng 10/2026, đã ghi nhận 98 trạm khí tượng có nhiệt độ trung bình tháng đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ; trong đó có 87 trạm khí tượng tại khu vực Bắc Bộ (Phụ lục-Bảng 5).

+ **Lượng mưa**: Trong tháng 10/2026, TLM tại khu vực Bắc Bộ và một số nơi ở Cao Nguyên Trung Bộ ở mức thấp hơn từ 40-90% so với TBNN. Các khu vực còn lại trên cả nước TLM thấp hơn từ 20-50% so với TBNN; riêng một số nơi ở khu vực Nam Bộ TLM cao hơn 20-50% so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 1b).

2. Dự báo xu thế khí hậu tháng 11/2026

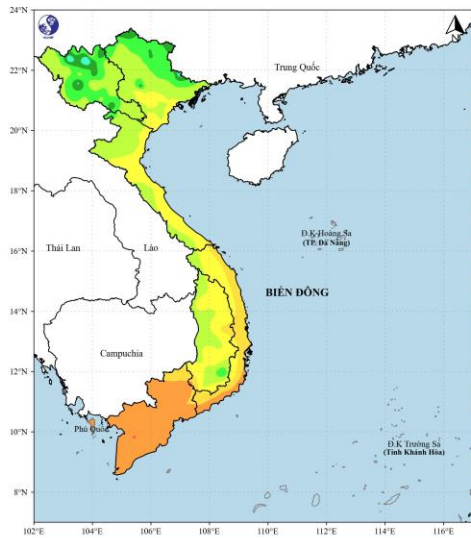
2.1. Dự báo xu thế NĐTB

Trong tháng 11/2026, NĐTB trên toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,0-2,0°C, riêng khu vực Nam Bộ NĐTB cao hơn so với TBNN từ

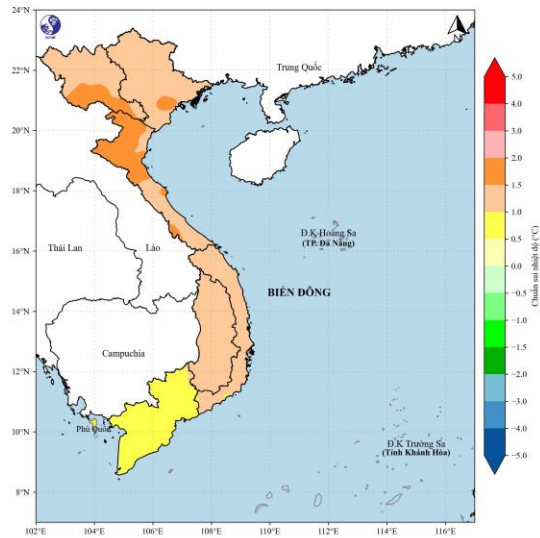
0,5-1,0°C (Hình 2b).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Tháng 11/2026, TLM tại khu vực Bắc Bộ phổ biến cao hơn từ 15-30% so với TBNN, các tỉnh từ Thanh Hóa-Hà Tĩnh và khu vực Nam Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN; các khu vực còn lại TLM thấp hơn từ 20-40% so với cùng kỳ (Hình 3b).

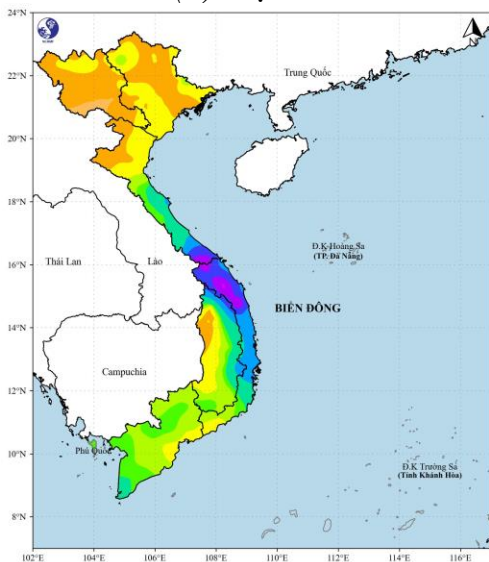


(a)

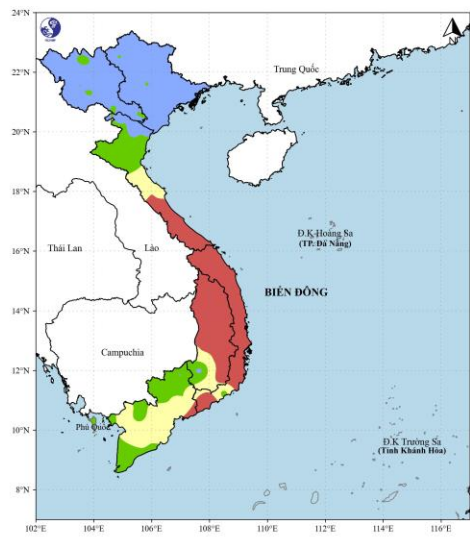


(b)

Hình 2: (a) Nhiệt độ trung bình (°C) TBNN tháng 11;
(b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (°C) tháng 11/2026



(a)



(b)

Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN tháng 11; (b) Dự báo xu thế lượng mưa tháng 11/2026

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ *Bão/ATNĐ*: Trong tháng 11/2026, bão/ATNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông thấp hơn TBNN (TBNN: Bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông là 1,5 cơn, trong đó đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0,9 cơn).

+ *Mưa vừa, mưa to*: Trong thời kỳ dự báo, mưa diện rộng vẫn có khả năng xuất hiện trên toàn quốc; trong đó mưa vừa, mưa to có khả năng tập trung tại khu vực Trung Bộ và Nam Bộ.

+ *Không khí lạnh*: Các đợt KKL ảnh hưởng đến Bắc Bộ và Trung Bộ có khả năng hoạt động yếu hơn so với TBNN cùng thời kỳ.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng tiếp tục xuất hiện trên phạm vi cả nước.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

Trên đất liền, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới kết hợp với hội tụ gió ở các tầng khí quyển trên cao, gió mùa Tây Nam và KKL có thể gây ra các đợt mưa diện rộng, nguy cơ xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh. Trên biển, cần đề phòng gió mạnh do ảnh hưởng của KKL, gió mùa Tây Nam, hoạt động của xoáy thuận nhiệt đới hoặc mưa dông cục bộ gây nguy hiểm cho hoạt động của tàu thuyền.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, tổng lượng mưa tháng 11/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/11		Thời kỳ 11-20/11		Thời kỳ 21-30/11		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,0-22,0	20-40	20,5-21,5	10-20	19,5-20,5	10-20	20,0-21,0	40-80
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	40-80	23,5-24,5	10-20	21,5-22,5	20-40	22,5-23,5	70-140
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	20,5-21,5	20-40	20,0-21,0	10-20	18,5-19,5	10-20	19,5-20,5	40-80
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,0-25,0	40-80	23,5-24,5	10-20	22,0-23,0	10-20	23,0-24,0	60-120
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,5-25,5	30-60	23,5-24,5	10-20	22,0-23,0	10-20	23,0-24,0	50-00
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	24,0-25,0	40-80	23,5-24,5	10-20	22,0-23,0	10-20	23,0-24,0	60-120

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 01-10/11		Thời kỳ 11-20/11		Thời kỳ 21-30/11		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	30-60	24,0-25,0	30-60	22,5-23,5	30-60	23,5-24,5	90-180
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	80-160	24,5-25,5	150-250	24,0-25,0	140-240	24,0-25,0	370-650
Kon Tum–Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	24,0-25,0	15-30	24,0-25,0	15-30	24,0-25,0	10-20	24,0-25,0	40-80
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	50-100	26,5-27,5	150-250	26,0-27,0	100-200	26,5-27,5	300-550
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	50-100	26,5-27,5	130-230	26,0-27,0	100-200	26,5-27,5	280-530
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	24,0-25,0	30-60	24,0-25,0	20-40	23,5-24,5	20-40	24,0-25,0	70-140
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,0-29,0	40-80	28,5-29,5	20-40	28,0-29,0	20-40	28,0-29,0	80-160
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	40-80	27,5-28,5	20-40	27,5-28,0	20-40	27,5-28,5	80-160

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 5- Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: Trước 12h00 ngày 11/11/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 01/11/2026./.

Soát tin: Hoàng Thị Mai

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết ở quy mô nhỏ trong tháng 10/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông, lốc	Cần Thơ	01/10/2026
Dông, lốc, sét	Điện Biên, Sơn La, Hà Tĩnh	4/10/2026
Mưa lớn kèm dông lốc	An Giang	13-14/10/2026

Bảng 2: Lượng mưa ngày tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Điện Biên (Điện Biên)	97,2	10/10/2015	169,8	05/10/2026
2	Phan Rí (Lâm Đồng)	97,9	30/10/2025	166,1	08/10/2026
3	Đắk Mil (Lâm Đồng)	113,1	04/10/1993	158,5	21/10/2026

Bảng 3: Lượng mưa tháng 10/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa lớn nhất tháng 10 trước đó	Năm xuất hiện GTLS trước đó	Tổng lượng mưa lớn nhất tháng 10/2026
1	Điện Biên (Điện Biên)	147,9	1976	176,0
2	Đắk Mil (Lâm Đồng)	416,8	2009	540,8

Bảng 4: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mai Châu (Phú Thọ)	37,2	11/10/2003	37,3	01/10/2026
2	Chi Nê (Phú Thọ)	35,6	11/10/2003	36,0	01/10/2026
3	Bắc Hà (Lào Cai)	30,1	12/10/2003	30,3	01/10/2026
4	Phổ Ràng (Lào Cai)	35,6	09/10/2021	35,8	01/10/2026
5	Yên Bái (Lào Cai)	35,0	08/10/2021; 07/10/2021; 03/10/1995	35,0	01/10/2026
6	Bắc Mê (Tuyên Quang)	36,5	07/10/2021	37,3	01/10/2026
7	Tuyên Quang (Tuyên Quang)	35,0	03/10/1995	35,2	01/10/2026
8	Hàm Yên (Tuyên Quang)	35,7	08/10/2021	35,7	01/10/2026
9	Phú Hộ (Phú Thọ)	34,5	13/10/1995	35,3	01/10/2026
10	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	35,8	06/10/2023	36,9	01/10/2026
11	Bảo Lạc (Cao Bằng)	36,4	05/10/2016; 21/10/1969	37,0	01/10/2026
12	Thất Khê (Lạng Sơn)	35,7	06/10/2021	36,0	01/10/2026
13	Lạng Sơn (Lạng Sơn)	33,8	04/10/2023	34,0	01/10/2026
14	Ba Vì (TP. Hà Nội)	35,5	12/10/2003	35,5	01/10/2026
15	Hoài Đức (TP. Hà Nội)	35,7	06/10/2023	36,5	01/10/2026
16	Hà Đông (TP. Hà Nội)	35,7	05/10/2025	36,5	01/10/2026
17	Hải Dương (TP. Hải Phòng)	35,4	07/10/2021	35,5	01/10/2026
18	Hưng Yên (Hưng Yên)	35,5	01/10/2014	36,0	01/10/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
19	Nam Định (Ninh Bình)	35,5	05/10/2025; 04/10/2023	35,7	01/10/2026
20	Phủ Lý (Ninh Bình)	35,0	05/10/2023; 04/10/2023	35,9	01/10/2026
21	Nho Quan (Ninh Bình)	35,1	12/10/2003	35,9	01/10/2026
22	Ninh Bình	35,0	04/10/2023	35,6	01/10/2026
23	Hương Khê (Hà Tĩnh)	35,8	12/10/2003	36,0	01/10/2026
24	Đông Hà (Quảng Trị)	35,0	21/10/2016	35,5	01/10/2026
25	Nam Đông (TP. Huế)	35,5	12/10/1987	35,6	01/10/2026
26	Lắc (Đắk Lắk)	33,0	10/10/2017; 13/10/2008; 21/10/2002	33,0	03/10/2026; 01/10/2026
27	Biên Hòa (TP. Đồng Nai)	35,9	19/10/2025	36,2	01/10/2026
28	Nhà Bè (TP. Hồ Chí Minh)	34,8	28/10/2018; 12/10/2018; 12/10/2017	35,2	01/10/2026
29	Mường Tè (Lai Châu)	37,2	19/10/1991	38,0	02/10/2026
30	Mường Lay (Lai Châu) (Điện Biên)	36,4	11/10/1998	36,4	21/10/2026; 02/10/2026
31	Điện Biên (Điện Biên)	35,7	05/10/2023	35,8	02/10/2026
32	Cò Nòi (Sơn La)	34,0	05/10/2025	35,7	02/10/2026
33	Bắc Yên (Sơn La)	32,7	23/10/2019	34,2	02/10/2026
34	Mù Cang Chải (Lào Cai)	31,3	05/10/2025	34,2	02/10/2026
35	Việt Trì (Phú Thọ)	35,0	06/10/2023; 08/10/2021	35,8	02/10/2026
36	Tam Đảo (Phú Thọ)	29,5	25/10/2013	30,0	02/10/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
37	Sơn Tây (TP. Hà Nội)	35,6	12/10/2003	36,0	02/10/2026
38	Láng (TP. Hà Nội)	36,4	05/10/2023	37,1	02/10/2026
39	Chí Linh (TP. Hải Phòng)	35,8	05/10/2023	36,0	02/10/2026
40	Cúc Phương (Ninh Bình)	34,2	05/10/2023	34,2	02/10/2026
41	Trà My (TP. Đà Nẵng)	35,0	09/10/2021	35,2	02/10/2026
42	Lý Sơn (Quảng Ngãi)	33,0	01/10/2015	33,0	02/10/2026
43	Nha Trang (Khánh Hòa)	33,7	01/10/2024	34,4	02/10/2026
44	Tam Đường (Lai Châu)	31,0	20/10/2016	33,2	03/10/2026
45	Than Uyên (Lai Châu)	34,6	22/10/2016	35,4	25/10/2026; 03/10/2026
46	Yên Châu (Sơn La)	37,5	23/10/2019	38,3	24/10/2026; 03/10/2026
47	Hòn Dấu (TP. Hải Phòng)	34,8	03/10/2014	37,2	03/10/2026
48	Tuyên Hóa (Quảng Trị)	36,4	12/10/2003	37,0	04/10/2026
49	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	32,7	01/10/2024	33,2	25/10/2026; 04/10/2026
50	Ba Tri (Vĩnh Long)	34,5	01/10/2024; 08/10/2023; 02/10/2015	35,2	05/10/2026
51	Bạc Liêu (Cà Mau)	33,5	10/10/2017	33,5	14/10/2026; 05/10/2026
52	Côn Đảo (TP. Hồ Chí Minh)	33,2	04/10/2025	33,8	06/10/2026

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 10 trước đó	Ngày xuất hiện GTLS trước đó	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
53	Sóc Trăng (TP. Cần Thơ)	34,4	14/10/2024; 09/10/2023	34,5	29/10/2026; 15/10/2026; 07/10/2026
54	Trà Nóc (TP. Cần Thơ)	33,9	01/10/2021	34,5	12/10/2026
55	Trùng Khánh (Cao Bằng)	33,3	01/10/2021	34,4	13/10/2026
56	Trường Sa (Khánh Hòa)	34,4	10/10/2017; 05/10/2009	34,8	14/10/2026
57	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	35,5	03/10/2009	36,0	19/10/2026
58	Phù Lễn (TP. Hải Phòng)	34,5	12/10/2025	34,8	19/10/2026
59	Bắc Cạn (Thái Nguyên)	35,2	05/10/2025	35,2	21/10/2026
60	Buôn Hồ (Đắk Lắk)	30,5	01/10/2024; 07/10/2015	31,2	25/10/2026
61	Càng Long (Vĩnh Long)	34,6	08/10/2023	34,8	29/10/2026

Bảng 5: Nhiệt độ trung bình tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
1	Sa Pa (Lào Cai)	21,1	05/10/2025	21,7
2	Phổ Ràng (Lào Cai)	28,5	12/10/2003	29,5
3	Bắc Mê (Tuyên Quang)	27,9	04/10/2023; 01/10/2015	29,5
4	Đồng Văn (Phó Báng) (Tuyên Quang)	23,1	05/10/2023; 01/10/2015	24,7

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
5	Lạng Sơn (Lạng Sơn)	28,1	05/10/2023	29,0
6	Đình Lập (Lạng Sơn)	27,9	05/10/2023	28,2
7	Quảng Hà (TP. Quảng Ninh)	29,0	08/10/2021	29,0
8	Tiên Yên (TP. Quảng Ninh)	29,0	05/10/2023	29,7
9	Cửa Ông (TP. Quảng Ninh)	29,3	05/10/2023	30,0
10	Lục Ngạn (TP. Bắc Ninh)	29,6	05/10/2023	30,0
11	Sơn Động (TP. Bắc Ninh)	29,2	08/10/2006	29,4
12	Bắc Ninh (TP. Bắc Ninh)	30,7	05/10/2023	31,3
13	Phù Lũn (TP. Hải Phòng)	29,4	05/10/2023	29,8
14	Hoài Đức (TP. Hà Nội)	30,9	06/10/2023; 05/10/2023	31,5
15	Hà Đông (TP. Hà Nội)	30,9	05/10/2023	31,3
16	Chí Linh (TP. Hải Phòng)	30,3	05/10/2023	30,5
17	Hải Dương (TP. Hải Phòng)	30,7	05/10/2023	31,1
18	Hưng Yên (Hưng Yên)	30,5	06/10/2023; 05/10/2023	31,0
19	Nam Định (Ninh Bình)	30,5	06/10/2023	31,0
20	Văn Lý (Ninh Bình)	30,1	06/10/2023; 05/10/2023; 04/10/2023	30,2

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
21	Nho Quan (Ninh Bình)	30,3	12/10/2003	31,0
22	Ninh Bình (Ninh Bình)	30,4	05/10/2025	30,8
23	Thái Bình (Hưng Yên)	29,7	04/10/2023	30,3
24	Sầm Sơn (Thanh Hóa)	30,7	06/10/2023	30,9
25	Thanh Hóa (Thanh Hóa)	29,7	06/10/2023; 05/10/2023; 12/10/2003	30,8
26	Quỳnh Lưu (Nghệ An)	30,1	05/10/2023	30,6
27	Đô Lương (Nghệ An)	30,0	06/10/2023; 12/10/2003	30,4
28	Hà Tĩnh (Hà Tĩnh)	30,1	06/10/2023; 01/10/2015	30,5
29	Hoành Sơn (Hà Tĩnh)	30,4	06/10/2025	30,4
30	Cồn Cỏ (Quảng Trị)	30,0	01/10/2015	30,3
31	Nam Đông (TP. Huế)	28,7	12/10/1987	29,2
32	Đà Nẵng (TP. Đà Nẵng)	29,6	02/10/2020	30,0
33	Tam Kỳ (TP. Đà Nẵng)	29,0	01/10/1981	29,3
34	Lắc (Đắk Lắk)	27,1	04/10/2023	27,3
35	Mai Châu (Phú Thọ)	30,0	12/10/2003	30,2
36	Chi Nê (Phú Thọ)	30,1	12/10/2003	30,7
37	Lạc Sơn (Phú Thọ)	29,7	11/10/2003	30,1
38	Yên Bái (Lào Cai)	29,1	05/10/2023; 02/10/2017; 20/10/2002	30,4

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
39	Lục Yên (Lào Cai)	28,9	13/10/1987; 01/10/1981	29,8
40	Hà Giang (Tuyên Quang)	29,4	05/10/2023	29,8
41	Tuyên Quang (Tuyên Quang)	30,2	06/10/2023	31,4
42	Hàm Yên (Tuyên Quang)	29,2	13/10/1987	29,9
43	Chiêm Hóa (Tuyên Quang)	29,6	12/10/2003	29,7
44	Chợ Rã (Thái Nguyên)	28,6	02/10/2020	28,7
45	Bắc Cạn (Thái Nguyên)	28,8	12/10/2003	29,0
46	Thái Nguyên (Thái Nguyên)	30,0	06/10/2023; 01/10/2015	30,3
47	Định Hóa (Thái Nguyên)	29,0	05/10/2023; 12/10/2003	29,3
48	Mình Đài (Phú Thọ)	28,8	12/10/2003	29,0
49	Phù Hộ (Phú Thọ)	29,6	06/10/2023	30,3
50	Việt Trì (Phú Thọ)	30,7	06/10/2023	31,5
51	Vĩnh Yên (Phú Thọ)	31,1	06/10/2023	32,1
52	Tam Đảo (Phú Thọ)	25,3	14/10/2009	25,6
53	Cao Bằng (Cao Bằng)	28,3	20/10/2002	29,4
54	Bảo Lạc (Cao Bằng)	28,6	05/10/2023; 12/10/2003	29,4
55	Nguyên Bình (Cao Bằng)	26,2	12/10/2003	26,6
56	Trùng Khánh (Cao	26,6	13/10/1966	27,2

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
	Bằng)			
57	Thất Khê (Lạng Sơn)	28,1	02/10/2017	28,6
58	Hữu Lũng (Lạng Sơn)	29,4	05/10/2023	30,2
59	Hiệp Hòa (TP. Bắc Ninh)	30,0	08/10/2021	30,5
60	Bắc Giang (TP. Bắc Ninh)	30,6	05/10/2023	31,1
61	Hòn Dấu (TP. Hải Phòng)	30,2	08/10/2021	31,6
62	Ba Vì (TP. Hà Nội)	29,8	06/10/2023	30,5
63	Sơn Tây (TP. Hà Nội)	30,6	06/10/2023	30,9
64	Láng (TP. Hà Nội)	31,7	05/10/2023	31,7
65	Phủ Lý (Ninh Bình)	30,4	05/10/2023	30,9
66	Cúc Phương (Ninh Bình)	28,0	06/10/2023	29,2
67	Hồi Xuân (Thanh Hóa)	29,8	06/10/2023; 12/10/2003; 11/10/2003	30,1
68	Yên Định (Thanh Hóa)	29,8	12/10/2003	30,1
69	Bái Thượng (Thanh Hóa)	29,3	12/10/2003	29,4
70	Tĩnh Gia (Thanh Hóa)	30,1	12/10/2003	30,2
71	Tây Hiếu (Nghệ An)	29,7	12/10/2003	29,7
72	Con Cuông (Nghệ An)	29,9	11/10/2003	30,1
73	Hương Khê (Hà Tĩnh)	29,6	06/10/2025	29,7
74	Lý Sơn (Quảng Ngãi)	30,1	01/10/2015	30,1

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
75	Mường Tè (Lai Châu)	27,9	19/10/2006	28,2
76	Tam Đường (Lai Châu)	25,1	05/10/2023	25,9
77	Than Uyên (Lai Châu)	26,9	05/10/2023	27,2
78	Pha Đin (Điện Biên)	23,0	05/10/2023	23,3
79	Cò Nòi (Sơn La)	26,5	01/10/2020	27,5
80	Yên Châu (Sơn La)	28,9	05/10/2025; 03/10/2025	30,2
81	Bắc Yên (Sơn La)	26,7	12/10/2003	27,2
82	Phù Yên (Sơn La)	29,7	11/10/2003	30,0
83	Mộc Châu (Sơn La)	24,6	05/10/2025	25,4
84	Lào Cai (Lào Cai)	30,1	05/10/2023	30,8
85	Bắc Hà (Lào Cai)	24,4	05/10/2025	25,1
86	Mù Cang Chải (Lào Cai)	25,7	05/10/2025	26,9
87	Nghĩa Lộ (Văn Chấn) (Lào Cai)	28,6	05/10/2023	29,0
88	Trà My (Tp. Đà Nẵng)	28,1	13/10/1987	28,4
89	EaKmat (Đắk Lắk)	27,0	15/10/2024	27,2
90	Khe Sanh (Quảng Trị)	26,6	11/10/1987	27,3
91	Ayunpa (Cheo Reo) (Gia Lai)	28,8	01/10/2024	28,8
92	EaHleo (Đắk Lắk)	26,3	05/10/2023	26,4
93	Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk)	27,1	05/10/2023	27,4

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất trong tháng 10	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ trung bình tháng 10/2026 đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ
94	Trường Sa (Khánh Hòa)	30,4	13/10/2024; 12/10/2024; 11/10/2024; 30/10/2023; 29/10/2023; 12/10/2005	30,9
95	DK1-7 (Huyện Trăn) (TP. Hồ Chí Minh)	30,5	19/10/2023	30,6
96	Đắc Nông (Lâm Đồng)	25,4	22/10/2025; 14/10/2008	25,9
97	Long Khánh (Xuân Lộc) (TP. Đồng Nai)	28,1	01/10/2015	28,6
98	Biên Hòa (TP. Đồng Nai)	29,7	01/10/2015	29,8

Bảng 6: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ)
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, TP. Quảng Ninh, TP. Hải Phòng, TP. Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, TP. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ)
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, TP. Huế
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	TP. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng
6	Khu vực Nam Bộ	TP. Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, TP. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau